

Bản án số: 02/2023/HS-ST  
Ngày 23-02-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA CHÈ, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Toàn và ông Triệu Đức Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vi Văn Tàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Tô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Triệu Quý H**; sinh ngày: 15/02/1993, tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Quý M và bà Bàn Thị H1; có vợ là Bàn Thị V; có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Triệu Đức G**; sinh ngày: 03/6/1984, tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Chấn H2 và bà Cháu Thị L; có vợ là Đặng Thị P; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 27/5/2021, bị Ủy ban nhân dân xã L, huyện B ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc, ngày 01/6/2021 đã nộp xong tiền phạt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: **Trần Văn Đ**; sinh ngày: 02/02/1966, tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/10; dân tộc: Sán Chỉ; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân C (Đã chết) và bà Ninh Thị S; có vợ là Vũ Thị K; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; bị

tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

4. Họ và tên: **Triệu Văn H3**; sinh ngày: 13/8/1989, tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Chấn T và bà Dương Thị H4; có vợ là Bàn Thị S1; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

5. Họ và tên: **Triệu Tiến H5**; sinh ngày: 07/4/1974, tại huyện Đ, tỉnh L; nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu A N (Đã chết) và bà Dương Tài M1; có vợ là Tăng Sám M2; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

6. Họ và tên: **Triệu Đức T1**; sinh ngày: 21/12/1984, tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 4/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Tiến N1 và bà Bàn Thị T2; có vợ là Bàn Thị Sáu H6; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

7. Họ và tên: **Triệu Đức D**; sinh ngày: 15/9/1980, tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Chấn H2 và bà Cháu Thị L; có vợ là Bàn Thị D1; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 20/10/2021, bị Ủy ban nhân dân xã L, huyện B ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc, ngày 22/10/2021 đã nộp xong tiền phạt; đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

8. Họ và tên: **Bàn Thị V**; sinh ngày: 13/6/1995, tại TP H, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bàn Sinh L1 (Đã chết) và bà Linh Thị H7; có chồng là Triệu Quý H; có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 20/10/2021, bị Ủy ban nhân dân xã L, huyện B ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc, ngày 22/10/2021 đã nộp xong tiền phạt; đầu thú ngày 23/11/2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

9. Họ và tên: **Vi Văn T3**; sinh ngày: 12/4/1984, tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn T4 và bà Trần Thị X (Đã chết); có vợ là Dương Thị N2 (Đã ly hôn); có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; đầu thú ngày 06/12/2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Triệu Kim H9; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện B, tỉnh Q; vắng mặt.

\* **Người chứng kiến:** Anh Đặng Văn D2; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 14/11/2022, sau khi tham dự đám cưới tại thôn K, xã L, huyện B, Triệu Quý H mượn 01 chiếc chiếu, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ của một người phụ nữ phục vụ trong đám cưới (không rõ lai lịch) rồi rủ Triệu Đức G, Triệu Văn H3 và Bàn Thị V (vợ H) đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “xóc đĩa” thì cả nhóm đồng ý. H cầm theo chiếu, bát, đĩa đi ra khu vực đường mòn lên đồi cách đám cưới khoảng 300m lúc này G, H, V cùng đi theo H. Trên đường đi, H nhặt được 01 lá bài tú lơ khơ (quân 6 cơ) mục đích để cất làm quân bài vị. Khi đến địa điểm đánh bạc, H trực tiếp trải chiếu ra đất rồi mượn chiếc kéo móc trong chùm chìa khóa của G cắt lá bài tú lơ khơ thành 04 quân bài vị. Sau đó, H là người cầm cái xóc cho mọi người cùng chơi. Cách thức đánh bạc như sau: Sử dụng 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài tú lơ khơ, một mặt một mặt màu trắng có hình trái tim màu đỏ, một mặt tối màu, sau đó cho 04 quân vị vào đĩa rồi dùng bát úp lên để cho người cầm cái xóc và quy định vị trí ngay trước mặt người cầm cái là cửa “chẵn”, vị trí trước mặt bên ngoài vị trí người cầm cái đặt đĩa là cửa “lẻ”. Người cầm cái cho bốn quân vị vào lòng đĩa sứ dùng bát úp lại xóc lên xóc xuống nhiều lần rồi đặt xuống chiếu, người chơi đặt tiền vào hai cửa “chẵn” hoặc cửa “lẻ”, khi mở bát ra nếu 04 quân bài vị cùng mặt trắng hoặc cùng mặt tối màu hoặc 02 quân mặt trắng, 02 quân mặt tối màu thì tính là “chẵn” còn nếu 01 quân mặt tối màu 03 quân mặt trắng hoặc ngược lại thì tính là “lẻ”. Mỗi ván người chơi đặt tiền tùy ý, thấp nhất là 50.000 đồng, không giới hạn số tiền tối đa. Nếu cửa lẻ thắng thì người cầm cái sẽ thu tiền ở bên cửa chẵn trả cho những người đặt tiền ở cửa lẻ tương ứng số tiền mà họ đã đặt lúc chưa mở bát, nếu cửa chẵn thắng thì làm ngược lại. Nếu bên chẵn hoặc lẻ đặt tiền chênh lệch nhau thì người cầm cái phải bỏ tiền ra để bù cho bên nào thắng hoặc thu tiền chênh lệch nếu bên nào thua.

Cả nhóm đánh bạc được một lúc thì trời tối nên H đi đến nhà anh Triệu Kim H9 (sinh năm 1987; trú tại thôn K, xã L, huyện B) mượn 01 bình ắc quy, 01 bóng điện và 01 đoạn dây điện, sau đó quay trở lại vị trí đánh bạc, đấu bóng điện vào bình ắc quy

để bóng đèn sáng rồi tiếp tục tham gia đánh bạc. Một lúc sau có Triệu Đức D, Triệu Đức T1, Trần Văn Đ, Vi Văn T3, Triệu Tiến H5 đến cùng tham gia đánh bạc với nhóm của H. Khi H thua hết tiền, G là người cầm cái xóc cho mọi người chơi. Đến khoảng 22 giờ 40 phút cùng ngày thì bị cơ quan Công an huyện Ba Chẽ phát hiện, bắt quả tang. Khi cơ quan Công an đang tiến hành bắt giữ, lợi dụng sơ hở do đông người H, V, D, T đã bỏ chạy. Từ ngày 16/11/2022, đến ngày 06/12/2022, lần lượt D, H, V, T đến Công an huyện Ba Chẽ đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm: thu tại địa điểm đánh bạc gồm: Số tiền 9.890.000 đồng (chín triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng), 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân bài vị hình tròn bằng giấy, 01 chiếu nhựa, 01 bình ắc quy màu đen kích thước (15x6x9,5) cm, 01 bóng đèn điện màu trắng gắn với 01 đoạn dây điện màu đen và 01 đoạn dây điện màu đỏ. Ngoài ra cơ quan Công an còn thu trên người Triệu Tiến H5 số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng), thu trên người Triệu Đức T1 số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), thu trên người Triệu Đức G số tiền 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, từng bị cáo còn khai số tiền mỗi người đã sử dụng để đánh bạc như sau: G 3.500.000 đồng, H 1.800.000 đồng, Đức 700.000 đồng, T 500.000 đồng, H 1.500.000 đồng, D 900.000 đồng, H 2.000.000 đồng, V 400.000 đồng, T 440.000 đồng. Trước khi đánh bạc không có ai tổ chức, phân công, lúc đầu H rủ G, V, H đánh bạc và chuẩn bị công cụ để đánh bạc, một lúc sau những người khác tự đến tham gia đánh bạc cùng nhóm H, không có ai rủ rê. Ngoài các bị cáo đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “xóc đĩa” không còn ai khác cùng tham gia đánh bạc. H, T, G đều khai nhận số tiền để trên người bị cơ quan Công an thu giữ, các bị cáo mang theo để đánh bạc. H, V, D, T đều khai nhận khi bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang do hoảng sợ nên H, V, D, T đã bỏ chạy, sau khi suy nghĩ lại biết không thể che giấu được cơ quan chức năng nên đã đến cơ quan công an đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Triệu Kim H9 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại giai đoạn điều tra và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt có lời khai và quan điểm thể hiện: vào tối ngày 14/11/2022 khi anh H đang ở nhà thì Triệu Quý H đến hỏi mượn của anh H 01 bình ắc quy, 01 bóng đèn có đầu nối sẵn dây điện. Do anh H9 có quan hệ họ hàng với H nên anh H9 đồng ý, khi mượn H không nói mục đích cho anh H9 biết, anh H9 cũng không hỏi H mượn để làm gì. Đối với các tài sản đã bị cơ quan Công an thu giữ gồm: 01 bình ắc quy màu đen kích thước (15x6x9,5) cm, 01 bóng đèn điện màu trắng gắn với 01 đoạn dây điện màu đen và 01 đoạn dây điện màu đỏ do đã cũ nên anh H9 không đề nghị được nhận lại, anh H9 cũng không có yêu cầu, đề nghị gì đối với các bị cáo.

Người chứng kiến nêu trên có lời khai về toàn bộ nội dung sự việc mình đã trực tiếp chứng kiến cơ quan Công an bắt quả tang các bị cáo đánh bạc, thu giữ những vật chứng, tài sản nêu trên, phù hợp với diễn biến, nội dung vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSBC ngày 13 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị can Triệu Quý

H, Triệu Đức G, Trần Văn Đ, Triệu Văn H3, Triệu Tiến H5, Triệu Đức T1, Triệu Đức D, Bàn Thị V và Vi Văn T3 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 (áp dụng thêm: điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Bàn Thị V; khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo Triệu Quý H; Triệu Đức G; Triệu Đức D và Vi Văn T3) của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt các bị cáo Triệu Quý H, Triệu Đức G, Triệu Đức D và Bàn Thị V mỗi bị cáo từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Triệu Quý H, Triệu Đức G, Triệu Đức D, Bàn Thị V cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

+ Xử phạt các bị cáo Trần Văn Đ, Triệu Văn H3, Triệu Tiến H5, Triệu Đức T1 và Vi Văn T3 mỗi bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Văn Đ, Triệu Tiến H5 cho Ủy ban nhân dân xã T huyện B, tỉnh Q; giao bị cáo Triệu Văn H3, Triệu Đức T1, Vi Văn T3 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếu nhựa; 01 bát sứ (con) màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn bằng giấy; 01 bình ắc quy màu đen, kích thước (15 x 6 x 9,5) cm; 01 bóng điện màu trắng có gắn 01 dây điện màu đen và 01 dây điện màu đỏ. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: số tiền 11.740.000 đồng (mười một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Ba Chẽ truy tố về hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, không sai. Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện



đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang của cơ quan Công an huyện Ba Chẽ, phù hợp với các vật chứng, tài sản bị thu giữ, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 40 phút, ngày 14/11/2022, tại khu vực đường mòn thuộc thôn K, xã L, huyện B, tỉnh Q, Triệu Quý H, Triệu Đức G, Trần Văn Đ, Triệu Văn H3, Triệu Tiến H5, Triệu Đức T1, Triệu Đức D, Bàn Thị V, Vi Văn T3 đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “xóc đĩa” thì bị cơ quan Công an huyện Ba Chẽ phát hiện, bắt quả tang, tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là 11.740.000 đồng (mười một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có cơ sở pháp luật.

[3] Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”*

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng của Nhà nước. Các bị cáo tụ tập rủ nhau đánh bạc có tính chất sát phạt tiền bạc của nhau để kiếm lời, không những làm thiệt hại về tài sản của mình và người khác, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, đánh bạc cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét tính chất đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước mà bột phát, nhất thời phạm tội nên là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Triệu Quý H là người khởi xướng và phạm tội tích cực nhất do đã chuẩn bị bát, đĩa, cắt quân vị, sau đó cầm cái, xóc quân bài vị cho người khác cùng tham gia đánh bạc do đó có vai trò cao nhất. Sau khi bị cáo H thua hết tiền bị cáo Triệu Đức G là người thay thế H

để cầm cái, xóc quân bài vị cho những người khác tiếp tục đánh bạc nên có vai trò cao thứ hai. Các bị cáo còn lại có vai trò ngang nhau và sau cùng trong vụ án.

[6] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo khi phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước. Đối với bị cáo Bàn Thị V khi phạm tội đang mang thai và sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Triệu Đức G, Triệu Đức D có bố đẻ là người có công với Cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến; các bị cáo Triệu Quý H, Triệu Đức D, Vi Văn T3 sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo G, D, T và H để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[7] Về hình phạt:

[7.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc phân hóa vai trò thực hiện tội phạm, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Triệu Quý H, Trần Văn Đ, Triệu Văn H3, Triệu Tiến H5, Triệu Đức T1 và Vi Văn T3 đều có nhân thân tốt; đối với các bị cáo Triệu Đức G, Triệu Đức D và Bàn Thị V đã có một lần bị xử phạt hành chính về hành vi “đánh bạc” nhưng tính đến ngày phạm tội đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Các bị cáo đều lần đầu phạm tội, khi phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục bị cáo với một thời gian thử thách phù hợp, điều đó cũng đáp ứng được mục đích của hình phạt. Trường hợp bị cáo nào vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong thời gian thử thách thì phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[7.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321, các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước. Nhưng xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do không có nghề nghiệp, thu

nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng, tài sản đã thu giữ: số tiền 9.890.000 đồng (chín triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) thu giữ tại chiếu bạc; 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) thu trên người Triệu Tiến H5; 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) thu trên người Triệu Đức T1 và 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) thu trên người Triệu Đức G đều là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước; 01 chiếu nhựa, 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân bài vị hình tròn bằng giấy 01 chiếu nhựa là công cụ phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với: 01 bình ắc quy màu đen kích thước (15 x 6 x 9,5) cm, 01 bóng đèn điện màu trắng gắn với 01 đoạn dây điện màu đen và 01 đoạn dây điện màu đỏ thu giữ được là tài sản của anh Triệu Kim H9 nhưng anh H9 không đề nghị được nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[9] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Triệu Kim H9 không có yêu cầu, đề nghị gì về tài sản hoặc có yêu cầu gì khác đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Đối với người phụ nữ cho Triệu Quý H mượn chiếu, bát sứ, đĩa sứ để đánh bạc, quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, lai lịch, địa chỉ nên chưa đủ cơ sở xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Triệu Kim H9 là người cho Triệu Quý H mượn bình ắc quy và bóng đèn, nhưng anh H9 không biết mục đích H mượn những dụng cụ này để sử dụng vào việc đánh bạc nên không đề cập xử lý.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 (áp dụng thêm: điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Bàn Thị V; khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo Triệu Quý H; Triệu Đức G; Triệu Đức D và Vi Văn T3) của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Triệu Quý H, Triệu Đức G, Trần Văn Đ, Triệu Văn H3, Triệu Tiến H5, Triệu Đức T1, Triệu Đức D, Bàn Thị V và Vi Văn T3 phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Triệu Quý H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.



- Xử phạt bị cáo Triệu Đức G 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Triệu Văn H3 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Triệu Tiến H5 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Triệu Đức T1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Triệu Đức D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Bàn Thị V 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn T3 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Giao các bị cáo Triệu Quý H, Triệu Đức G, Triệu Văn H3, Triệu Đức T1, Triệu Đức D, Bàn Thị V và Vi Văn T3 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn Đ, Triệu Tiến H5 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ vào: Điều 121; Điều 123; Điều 124; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” và “Tạm hoãn xuất cảnh” của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đang được áp dụng đối với các bị cáo Triệu Quý H, Triệu Đức G, Trần Văn Đ, Triệu Văn H3, Triệu Tiến H5, Triệu Đức T1 và Triệu Đức D.

Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đang được áp dụng đối với các bị cáo Bàn Thị V và Vi Văn T3.

4. Căn cứ vào: các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc nhựa; 01 bát sứ (con) màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn bằng giấy; 01 bình ắc quy màu đen, kích thước (15 x 6 x 9,5) cm; 01 bóng điện màu trắng có gắn 01 dây điện màu đen và 01 dây điện màu đỏ. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: số tiền 11.740.000

đồng (mười một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Toàn bộ số tiền thu giữ trong vụ án được niêm phong trong 04 phong bì theo Biên bản giao nhận tài sản giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ với Kho bạc Nhà nước huyện Ba Chẽ lập ngày 18/01/2023.

Tình trạng những vật chứng, tài sản nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 18/01/2023 giữa Công an huyện Ba Chẽ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

5. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Triệu Quý H, Triệu Đức G, Trần Văn Đ, Triệu Văn H3, Triệu Tiến H5, Triệu Đức T1, Triệu Đức D, Bàn Thị V và Vi Văn T3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ vào: các khoản 1 và 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Ba Chẽ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Chẽ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADShuyện Ba Chẽ;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quyền**